

Bản án số: 14/2020/KDTM - ST

Ngày: 21/8/2020

V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán
điện"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Tiến

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Mạnh Huê

Ông Đoàn Xuân Miễn

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 50/2029/TLST- KDTM ngày 19/12/2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán điện" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXX- ST ngày 14 tháng 07 năm 2020; Quyết định hoãn phiên toà số 40/2020/QĐST - KDTM ngày 30 tháng 07 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty Đ; địa chỉ số 69 phố Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh T; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T: Giám đốc công ty Điện lực T (Theo Giấy ủy quyền số 6069/UQ - EVN HANOI ngày 06/8/2019 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Đ) và ông Phùng Văn H; Phó giám đốc Công ty Điện lực T. (Theo Giấy ủy quyền số 6034/UQ - EVN HANOI ngày 06/8/2019 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Đ).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R; Địa chỉ trụ sở chính: Số 26 Dãy 1, Khu dân dân V, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Anh T, sinh năm 1985; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Tại phiên toà có mặt ông ông Phùng Văn H, vắng mặt bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/08 /2020, các ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Thương mại điện tử R (sau đây gọi tắt là Công ty R) có địa chỉ đăng ký Kinh doanh tại số 26, dãy 1, Khu dân dân V, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội. Năm 2017 Công ty R có thuê nhà xưởng tại khu đất dịch vụ xã P, huyện T, Thành phố Hà Nội để kinh doanh thương mại điện tử. Công ty R đăng ký mua điện lần đầu với Tổng Công ty Đ thông qua Hợp đồng mua bán điện số 17/080574 ký kết ngày 25/12/2017. Ngày 05/02/2018, hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng mua bán điện số 17/080574 ký ngày 25/12/2017.

Ngày 05/02/2018, Tổng Công ty Đ ủy quyền cho Công ty Điện lực T (Bên bán điện) thực hiện việc ký kết hợp đồng mua bán điện số 18/183387 với Công ty R (Bên mua điện).

Ngày 19/3/2018 Công ty Điện lực T chốt chỉ số và thông báo tiền điện tháng 3/2018 cho Công ty R số tiền phải trả là 365.575.782 đồng. Tuy nhiên Công ty vẫn không thanh toán số tiền điện nêu trên. Đến ngày 04/4/2018 Công ty Điện lực T tạm ngừng bán điện theo quy định, đồng thời thực hiện chốt chỉ số công tơ điện. Tiền điện sử dụng phát sinh từ ngày 19/3/2018 đến ngày 04/4/2018 của Công ty R là 214.497.690 đồng. Như vậy tiền điện tháng 3 và tháng 4 năm 2018 của Công ty R còn nợ Tổng Công ty Đ là: 580.073.472đồng.

Nay Tổng Công ty Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R thanh toán tiền điện và tiền lãi chậm trả tiền điện với tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2020 là: 744.231.138đồng trong đó nợ tiền điện là 580.073.472đồng và tiền lãi chậm trả là 164.157.666đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R. Quá trình giải quyết vụ án Công ty R đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt, người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Anh T; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Toà án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đến Toà án làm việc, do vậy Toà án không lấy được lời khai. Toà án đã đến làm việc với bố đẻ của ông Hoàng Anh T là ông Hoàng Văn S về việc giao văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cho anh T, được ông S cho biết: Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án ông S đã thông tin ngay nội dung văn bản đến anh T, anh T đã nắm được nội dung các văn bản nhưng do điều kiện công việc, anh T không về tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh T.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đã tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán tiền điện còn nợ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự. Tuy nhiên, phía bị đơn vắng mặt, do vậy không tiến hành hòa giải được. Ngày 14/7/2020 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXX-ST ấn định phiên tòa được mở vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 30/7/2020. Quyết định đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/7/2020 chỉ có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp theo mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 21/8/2020. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 21/8/2020 bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp hợp đồng mua bán điện giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng mục đích kinh doanh, do vậy xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại; Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn có địa chỉ tại Số 26 Dãy 1, Khu dân dân V, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội. Do vậy Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và còn thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về nội dung: Tổng Công ty Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R thanh toán tiền điện và tiền lãi chậm trả tiền điện với tổng số tiền tính đến ngày 21/8/2020 là: 744.231.138 đồng trong đó nợ tiền điện là 580.073.472 đồng và tiền lãi là 164.157.666 đồng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[3.1]. Xét các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của đương sự thì Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R có ký hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Đ do Công ty điện lực T được ủy quyền, mục đích để kinh doanh thương mại điện tử. Đến nay Công ty R còn nợ Tổng Công ty Đ tiền điện tháng 3 và tháng 4 năm 2018 là: 580.073.472đồng. Như vậy, Tổng Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R trả nợ số tiền 580.073.472đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về yêu cầu tiền lãi chậm trả của nguyên đơn đối với bị đơn xét thấy: Theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Điện lực thì *“Lãi suất của số tiền chậm trả hoặc thu thừa do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán”*. Theo quy định tại Điều 6 Các điều khoản chung kèm theo hợp đồng của Hợp đồng mua bán điện các bên thỏa thuận như sau *“Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả, tính từ ngày phải thanh toán đến ngày bên B thanh toán”*. Tại thời điểm thanh toán lãi suất cao nhất của ngân hàng mà Tổng Công ty Đ có tài khoản ghi trong hợp đồng từ ngày 27/3/2018 đến ngày 31/12/2019 là 12,1%/năm và từ ngày 01/01/2020 đến ngày 21/08/2020 là 11,8%/năm. Do vậy, Tổng Công ty Đ yêu cầu Công ty R trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là 12,1%/năm thời điểm từ ngày 27/3/2018 đến ngày 31/12/2019 và lãi suất chậm trả là 11,8%/năm từ ngày 01/01/2020 đến ngày 21/08/2020 là không vượt quá mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán nên được chấp nhận. Số tiền lãi chậm trả cụ thể như sau:

Từ ngày 27/3/2018 đến tháng 30/4/2018 là: $214.497.690\text{đồng} \times 35 \text{ ngày} \times 12,1\% / 365 \text{ ngày} = 2.488.761\text{đồng}$.

Từ ngày 27/4/2018 đến ngày 30/4/2018 là: $365.517.782\text{đồng} \times 4 \text{ ngày} \times 12,1\% / 365 \text{ ngày} = 484.764\text{đồng}$.

Từ ngày 01/5/2018 đến ngày 31/12/2018 là: $580.073.472\text{đồng} \times 245 \text{ ngày} \times 12,1\% / 365 \text{ ngày} = 47.113.091\text{đồng}$.

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 là: $580.073.472\text{đồng} \times 365 \text{ ngày} \times 12,1\% / 365 \text{ ngày} = 70.188.890\text{đồng}$.

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 21/8/2020 là: $580.073.472\text{đồng} \times 234 \text{ ngày} \times 11,8\% / 365 \text{ ngày} = 43.882.160\text{đồng}$.

Tổng số tiền lãi chậm trả là 164.157.666đồng.

[3.3]. Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R phải thanh toán cho Tổng Công ty Đ là:

$580.073.472\text{đồng} + 164.157.666\text{đồng} = 744.231.138\text{đồng}.$

[4] Về án phí: Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 33.769.000đồng. Tổng Công ty Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 Luật Điện lực;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ đối với Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R.

[2]. Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R thanh toán trả Tổng Công ty Đ tổng số tiền là: 744.231.138đồng (*Bảy trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, một trăm ba mươi tám đồng*). Trong đó: Tiền điện còn nợ là 580.073.472đồng (*Năm trăm tám mươi triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng*). Tiền lãi chậm trả là: 164.157.666đồng (*Một trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

[3]. Kể từ ngày 22/8/2020 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4]. Về án phí: Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử R phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 33.769.000đồng (*Ba mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi chín triệu đồng*). Trả lại Tổng Công ty Đ (Công ty Điện Lực T đại diện theo ủy quyền) nhận số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.300.000đồng (*Mười lăm triệu*

ba trăm nghìn đồng). Theo biên lai thu số AA/2017/0003146 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[5]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án Q. Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

Phạm Văn Tiến

